

Bản án số: 276/2024/HS-PT
Ngày: 22-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 968/2023/TLPT- HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trương Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 505/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Trương Ngọc T, sinh ngày 09/10/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: 549/10 A, Phường 9, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình hạ vắn: Lớp 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Trương Ngọc H và bà Dương B; Vợ là Hà Thị Thanh T và có 02 con, đứa lớn sinh năm 2015, đứa nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. (có mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có những bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2018, Trương Ngọc T thuê căn nhà tại địa chỉ số 221/4K B, Phường 5, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và thuê nhân viên để tổ chức cho vay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thức cho vay chủ yếu là vay đứng, với mức lãi suất từ 30%/tháng đến 45%/tháng, tương đương 365% đến 547,5%/1 năm và tùy người vay mà có thể chọn phương thức đóng tiền lãi mỗi ngày hoặc 03 ngày/lần hoặc 07 ngày/lần. Trương Ngọc T phân công Trương Ngọc Tấn S, Nguyễn Phạm Ngọc Đăng K, Huỳnh Vĩnh T0 và Lạc Chí H đăng quảng cáo trên các trang mạng xã hội về hoạt động cho vay, in “Card visit” quảng cáo cho vay kèm số điện thoại để người vay liên lạc; phân công Trương Ngọc Tấn S, Nguyễn Phạm Ngọc Đăng K, Huỳnh Vĩnh T0 và Lạc Chí H có nhiệm vụ thu tiền lãi, tiền gốc, kiểm tra thông tin người vay tiền, giao tiền cho người vay, nếu khi đến hạn mà người vay không đóng lãi, trễ hạn lâu ngày, bỏ trốn hoặc không thanh toán tiền gốc thì có nhiệm vụ nhắc nhở và giao hẹn thời hạn để trả tiền gốc và tiền lãi. Ngoài ra, Trương Ngọc T còn thuê Nguyễn Văn S1, Nguyễn Hoàng P, Huỳnh Phương T1, Liêu Phước H1, Trần Minh T2 và Cao Đình S2 đi thu tiền của người vay và giao những người này cho Trương Ngọc Tấn S phân công; thuê Lê Hoàng U làm nhiệm vụ thông báo hình thức vay cho khách vay tiền qua điện thoại và thống kê thu, chi tiền vay, ghi chép vào sổ sách rồi báo lại cho Trương Ngọc Tấn S.

Trương Ngọc T và nhóm cho vay sử dụng nhiều số điện thoại để liên lạc, trao đổi thông tin với người vay, rồi chuyển lại cho các nhân viên trong nhóm để đi gặp trực tiếp người vay xem thông tin cá nhân trên giấy tờ tùy thân. Sau khi xem giấy tờ nếu đúng nơi cư trú thực tế thì mới giao tiền và yêu cầu người vay xác nhận đã vay tiền, bằng cách ký tên vào “Giấy giao hụi”, rồi chụp hình người vay tiền đang cầm giấy này để lưu lại trên điện thoại di động của nhóm.

Ngày 13/6/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Trương Ngọc T đã sử dụng căn nhà 221/4K B, Phường 5, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh làm nơi tổ chức cho vay và thu giữ nhiều tài liệu liên quan đến việc cho vay. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định có 39 người vay tiền của Trương Ngọc T với tổng số tiền là 147.500.000 đồng, lãi suất từ 01% đến 1,5%/1 ngày, tương đương 365% đến 547,5%/1 năm. Họ tên người vay, số tiền vay gốc, tiền lãi đã trả cho Trương Ngọc T và tiền vay gốc còn lại chưa trả, cụ thể như sau:

1/ Đặng Thị Hồng T3:

Ngày 01/11/2021, bà T3 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà T3 đã đóng tiền lãi được 210 ngày với tổng số tiền là 8.400.000 đồng. Hiện nay, bà T3 vẫn còn nợ tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà T3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 210 ngày là 345.205 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 8.400.000 đồng - 345.205 đồng = 8.054.795 đồng.

2/ Trương Văn H2:

Ngày 26/7/2021, ông H2 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Ông H2 đã đóng tiền lãi được 150 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Hiện nay, ông H2 đã trả tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông H2 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 150 ngày là 246.575 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 6.000.000 đồng - 246.575 đồng = 5.753.425 đồng.

3/ Trần Thị M:

Ngày 01/3/2022, bà M có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà M đã đóng tiền lãi được 103 ngày với tổng số tiền là 3.090.000 đồng. Hiện nay, bà M vẫn còn nợ tiền gốc là 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà M chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 103 ngày là 112.877 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 3.090.000 đồng - 112.877 đồng = 2.977.123 đồng.

4/ Long Học T4:

Ngày 06/12/2021, ông T4 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 28,6%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 28.600 đồng. Ông T4 đã đóng tiền lãi được 187 ngày với tổng số tiền là 5.348.200 đồng và đóng phí dịch vụ là 50.000 đồng. Hiện nay, ông T4 vẫn còn nợ tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông T4 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 187 ngày là 307.397 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 5.348.200 đồng - 307.397 đồng = 5.040.803 đồng và phí dịch vụ là 50.000 đồng.

5/ Lê Thái A:

Ngày 09/12/2021, bà A có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 35,7%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 35.700 đồng. Bà A đã đóng tiền lãi được 14 ngày với tổng số tiền là 499.800 đồng. Hiện nay, bà A đã trả tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà A chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 14 ngày là 23.014 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 499.800 đồng - 23.014 đồng = 476.786 đồng.

6/ Nguyễn Thị Hồng N:

Ngày 01/10/2021, bà N có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà N đã đóng tiền lãi được 210 ngày với tổng

số tiền là 8.400.000 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng. Hiện nay, bà N đã trả 1.500.000 đồng và còn nợ tiền gốc là 1.500.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà N chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 210 ngày là 345.205 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 8.400.000 đồng - 345.205 đồng = 8.054.795 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng.

7/ Huỳnh Thị T5:

Ngày 23/12/2021, bà T5 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà T5 đã đóng tiền lãi được 56 ngày với tổng số tiền là 2.240.000 đồng. Hiện nay, bà T5 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà T5 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 56 ngày là 92.055 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 2.240.000 đồng - 92.055 đồng = 2.147.945 đồng.

8/ Lê Quang H3:

Ngày 28/10/2021, ông H3 có vay 4.000.000 đồng với lãi suất 37,5%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 50.000 đồng. Ông H3 đã đóng tiền lãi được 229 ngày với tổng số tiền là 11.450.000 đồng và phí dịch vụ là 250.000 đồng. Hiện nay, ông H3 còn nợ tiền gốc 4.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 4.000.000 đồng, ông H3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 2.192 đồng/ngày và đóng trong 229 ngày là 501.918 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 11.450.000 đồng - 501.918 đồng = 10.948.082 đồng và phí dịch vụ là 250.000 đồng.

9/ Lục Quý N2:

Ngày 11/6/2022, bà N2 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà N2 đã đóng tiền lãi được 7 ngày với tổng số tiền là 210.000 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng. Hiện nay, bà N2 đã trả nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà N2 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 7 ngày là 7.671 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 210.000 đồng - 7.671 đồng = 202.329 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng.

10/ Phan Minh H4

Ngày 23/12/2021, ông H4 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Ông H4 đã đóng tiền lãi được 120 ngày

với tổng số tiền là 4.800.000 đồng và phí dịch vụ là 20.000 đồng. Hiện nay, ông H4 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông H4 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng ngày và đóng trong 120 ngày là 197.260 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 4.800.000 đồng - 197.260 đồng = 4.602.740 đồng và phí dịch vụ là 20.000 đồng.

11/ Ngô Thị Thúy O:

Ngày 28/5/2020, bà O có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà O đã đóng tiền lãi được 90 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Hiện nay, bà O đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà O chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 90 ngày là 147.945 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 3.600.000 đồng - 147.945 đồng = 3.452.055 đồng.

12/ Nguyễn Thị Hoàng N3:

Lần 1: Ngày 20/5/2022, bà N3 có vay 20.000.000 đồng, với lãi suất 15%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 600.000 đồng. Bà N3 phải đóng tiền góp 40 ngày với tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Hiện nay, bà N3 đã trả xong nợ gốc 20.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 20.000.000 đồng, bà N3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 10.959 đồng/ngày và đóng trong 40 ngày là 438.356 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 4.000.000 đồng - 438.356 đồng = 3.561.644 đồng.

Lần 2: Ngày 9/6/2022, bà N3 tiếp tục vay 20.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 600.000 đồng. Bà N3 phải đóng tiền góp 40 ngày với tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Hiện nay, bà N3 mới đóng được 04 ngày là 2.400.000 đồng số tiền còn thiếu là 18.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 20.000.000 đồng, bà N3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 10.959 đồng/ngày và đóng trong 04 ngày là 43.836 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 400.000 đồng - 43.836 đồng = 356.164 đồng.

Vậy tổng số tiền thu lợi bất chính của cả 2 lần là: 3.561.644 đồng + 356.164 đồng = 3.917.808 đồng.

13/ Nguyễn Thị T6:

Ngày 01/6/2020, bà T6 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà T6 đã đóng tiền lãi được 630 ngày với tổng số tiền là 18.900.000 đồng. Hiện nay, bà T6 đã trả 1.000.000 đồng còn nợ gốc 1.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà T6 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 630 ngày là 690.411 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 18.900.000 đồng - 690.411 đồng = 18.209.589 đồng.

14/ Lê Thị Thanh T7:

Ngày 01/12/2021, bà T7 có vay 2.000.000 đồng, với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà T7 đã đóng tiền lãi được 90 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng. Hiện nay, bà T7 đã trả gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà T7 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 90 ngày là 98.630 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 2.700.000 đồng - 98.630 đồng = 2.147.945 đồng.

15/ Đặng Thị A1:

Ngày 23/11/2020, bà A1 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà A1 đã đóng tiền lãi được 63 ngày với tổng số tiền là 2.520.000 đồng và phí dịch vụ là 20.000 đồng. Hiện nay, bà A1 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà A1 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 63 ngày là 103.562 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 2.520.000 đồng - 103.562 đồng = 2.416.483 đồng và phí dịch vụ là 20.000 đồng.

16/ Lưu Minh K:

Ngày 20/11/2021, ông K có vay 4.000.000 đồng, với lãi suất 37,5%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 50.000 đồng. Ông K đã đóng tiền lãi được 150 ngày với tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Hiện nay, ông K đã trả nợ gốc 4.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 4.000.000 đồng, ông K chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 2.192 đồng/ngày và đóng trong 150 ngày là 328.767 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 7.500.000 đồng - 328.767 đồng = 7.171.233 đồng.

17/ Nguyễn Trọng T8:

Ngày 26/01/2021, ông T8 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 37,5%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 50.000 đồng. Ông T8 đã đóng tiền lãi được 150 ngày với tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Hiện nay, ông T8 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông T8 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 2.192 đồng/ngày và đóng trong 150 ngày là 328.767 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 7.500.000 đồng - 328.767 đồng = 7.171.233 đồng.

18/ Đặng Thị Thanh H5:

Ngày 16/12/2021, bà H5 có vay 5.000.000 đồng, với lãi suất 48%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 80.000 đồng. Bà H5 đã đóng tiền lãi được 45 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Hiện nay, bà H5 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, bà H5 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 2.740 đồng/ngày và đóng trong 45 ngày là 123.288 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 3.600.000 đồng - 123.288 đồng = 3.476.812 đồng.

19/ Đỗ Thị Diệu H6:

Ngày 15/9/2021, bà H6 có vay 2.000.000 đồng, với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà H6 đã đóng tiền lãi được 267 ngày với tổng số tiền là 8.010.000 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng. Hiện nay, bà H6 vẫn còn nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà H6 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 267 ngày là 292.603 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 8.010.000 đồng - 292.603 đồng = 7.717.397 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng.

20/ Lương Vĩnh P1:

Ngày 01/11/2021, ông P1 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Ông P1 đã đóng tiền lãi được 210 ngày với tổng số tiền là 8.400.000 đồng. Hiện nay, ông P1 vẫn còn nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông P1 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 210 ngày là 345.205 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 8.400.000 đồng - 345.205 đồng = 8.054.795 đồng.

21/ Nguyễn Thị H7:

Ngày 01/02/2022, bà H7 có vay 2.000.000 đồng, với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà H7 đã đóng tiền lãi được 140 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng. Hiện nay, bà H7 vẫn còn nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà H7 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 140 ngày là 153.425 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 4.200.000 đồng - 153.425 đồng = 3.146.575 đồng và phí dịch vụ là 60.000 đồng.

22/ Lâm Gia H8:

Ngày 15/9/2021, ông H8 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Ông H8 đã đóng tiền lãi được 30 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng. Hiện nay, ông H8 đã trả nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông H8 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 30 ngày là 49.315 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng - 49.315 đồng = 1.150.685 đồng.

23/ Bạch Quốc T9:

Ngày 28/9/2021, ông T9 có vay 3.000.000 đồng, với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Ông T9 đã đóng tiền lãi được 270 ngày với tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Hiện nay, ông T9 vẫn còn nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông T9 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 270 ngày là 443.880 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 10.800.000 đồng - 443.880 đồng = 10.356.120 đồng.

24/ Nguyễn Thị H9:

Ngày 15/11/2021, bà H9 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà H9 đã đóng tiền lãi được 210 ngày với tổng số tiền là 8.400.000 đồng. Hiện nay, bà H9 vẫn còn nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà H9 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 210 ngày là 345.205 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 8.400.000 đồng - 345.205 đồng = 8.054.795 đồng.

25/ Nguyễn Thị H10:

Ngày 02/11/2021, bà H10 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà H10 đã đóng tiền lãi được 210 ngày với tổng số tiền là 6.300.000 đồng. Hiện nay, bà H10 vẫn còn nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà H10 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 210 ngày là 230.137 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 6.300.000 đồng - 230.137 đồng = 6.069.863 đồng.

26/ Nguyễn Thanh T10:

Ngày 01/12/2021, bà T10 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà T10 đã đóng tiền lãi được 180 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng. Hiện nay, bà T10 vẫn còn nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà T10 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng

trong 180 ngày là 197.260 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 5.400.000 đồng - 197.260 đồng = 5.202.740 đồng.

27/ Trênh Dẫu H11:

Ngày 12/12/2021, ông H11 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Ông H11 đã đóng tiền lãi được 35 ngày. với tổng số tiền là 1.050.000 đồng. Hiện nay, ông H11 đã trả nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, ông H11 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 35 ngày là 38.356 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 1.050.000 đồng - 38.356 đồng = 1.011.644 đồng.

28/ Phạm Huy T11:

Ngày 07/9/2018, ông T11 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Ông T11 đã đóng tiền lãi được 30 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng. Hiện nay, ông T11 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông T11 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 30 ngày là 49.315 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 1.200.000 đồng - 49.315 đồng = 1.150.685 đồng.

29/ Phạm Thị Thu T12:

Ngày 30/3/2022, bà T12 có vay 5.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 50.000 đồng. Bà T12 đã đóng tiền lãi được 60 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Hiện nay, bà T12 đã trả nợ gốc 5.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, bà T12 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 2.740 đồng/ngày và đóng trong 60 ngày là 164.384 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 3.000.000 đồng - 164.384 đồng = 2.835.616 đồng.

30/ Trần Thị T13:

Ngày 11/11/2021, bà T13 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà T13 đã đóng tiền lãi được 210 ngày với tổng số tiền là 6.300.000 đồng. Hiện nay, bà T13 vẫn còn nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà T13 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 210 ngày là 230.137 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 6.300.000 đồng - 230.137 đồng = 6.069.863 đồng.

31/ Trần Ngọc L3:

Ngày 23/12/2021, bà L3 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà L3 đã đóng tiền lãi được 180 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng. Hiện nay, bà L3 vẫn còn nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà L3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 180 ngày là 295.890 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 7.200.000 đồng - 295.890 đồng = 6.904.110 đồng.

32/ Huỳnh Thị Kim T14:

Ngày 03/9/2018, bà T14 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà T14 đã đóng tiền lãi được 180 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng. Hiện nay, bà T14 đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà T14 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 180 ngày là 295.890 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 7.200.000 đồng - 295.890 đồng = 6.904.110 đồng.

33/ Nguyễn Văn L4:

Ngày 31/10/2021, ông L4 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 42,75%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 28.500 đồng. Ông L4 đã đóng tiền lãi được 240 ngày với tổng số tiền là 6.840.000 đồng và phí dịch vụ là 100.000 đồng. Hiện nay, ông L4 vẫn còn nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, ông L4 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 240 ngày là 263.014 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 6.840.000 đồng - 263.014 đồng = 6.576.986 đồng và phí dịch vụ là 100.000 đồng.

34/ Nguyễn Thị Mai H12:

Ngày 25/10/2021, bà H12 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 40%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 40.000 đồng. Bà H12 đã đóng tiền lãi được 240 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng. Hiện nay, bà H12 vẫn còn nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà H12 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 180 ngày là 394.521 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 9.600.000 đồng - 394.521 đồng = 9.205.479 đồng.

35/ Thái Thị M3:

Lần 1: Ngày 13/12/2021, bà M3 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà M3 đã đóng tiền lãi được 150 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Sau đó, bà M3 trả 500.000 đồng vẫn còn nợ gốc 1.500.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà M3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 150 ngày là 164.384 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 4.500.000 đồng - 164.384 đồng = 4.335.616 đồng.

Lần 2: Ngày 13/12/2021, bà M3 còn nợ số tiền 1.500.000 đồng của Tính với lãi suất 50%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 25.000 đồng. Bà M3 đã đóng tiền lãi được 30 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng. Hiện nay, bà M3 vẫn còn nợ gốc 1.500.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 1.500.000 đồng, bà M3 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 822 đồng/ngày và đóng trong 30 ngày là 24.658 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 750.000 đồng - 24.658 đồng = 725.342 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của lần 1 và lần 2 là: 4.335.616 đồng + 725.342 đồng = 5.060.958 đồng.

36/ Nguyễn Văn Q:

Ngày 09/9/2018, ông Q có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 25.000 đồng. Ông Q phải đóng tiền góp 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Hiện nay, ông Q đã trả xong nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, ông Q chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 600.000 đồng - 39.452 đồng = 560.548 đồng.

37/ Lê M4:

Ngày 16/10/2018, ông M4 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 25%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 16.667 đồng. Ông M4 phải đóng tiền góp 24 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng và phí dịch vụ là 200.000 đồng. Hiện nay, ông M4 đã trả xong nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, ông M4 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 24 ngày là 26.301 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 400.000 đồng - 26.301 đồng = 373.699 đồng và phí dịch vụ là 200.000 đồng.

38/ Ngô Thị Mỹ H13:

Ngày 21/9/2018, bà H13 có vay 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 25.000 đồng. Bà H13 phải đóng tiền góp 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng và phí dịch vụ là 200.000 đồng. Hiện nay, bà H13 đã trả xong nợ gốc 3.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, bà H13 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.644 đồng/ngày và đóng

trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 600.000 đồng - 39.452 đồng = 560.548 đồng và phí dịch vụ là 200.000 đồng.

39/ Nguyễn Thị T15:

Ngày 21/11/2021, bà T15 có vay 2.000.000 đồng với lãi suất 45%/tháng, mỗi ngày đóng tiền lãi là 30.000 đồng. Bà T15 đã đóng tiền lãi được 14 ngày với tổng số tiền là 420.000 đồng. Hiện nay, bà T15 đã trả xong nợ gốc 2.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, bà T15 chỉ phải đóng lãi suất là 0,055%/ngày, tương ứng với số tiền 1.096 đồng/ngày và đóng trong 14 ngày là 15.342 đồng. Do vậy, số tiền mà T cùng đồng bọn đã thu lợi bất chính là: 420.000 đồng - 15.342 đồng = 404.658 đồng

Quá trình điều tra xác định: Trương Ngọc Tấn S phụ giúp cho T từ đầu năm 2022, được T trả công 1.000.000 đồng/tuần và số tiền mà S được T trả công là 100.000.000 đồng, tương ứng với 100 tuần. Huỳnh Vĩnh T0 phụ giúp T từ tháng 3/2021, được T trả công 300.000 đồng/ngày, đến ngày bị bắt thì T0 làm được 120 ngày và được T trả công là 36.000.000 đồng. Nguyễn Phạm Ngọc Đăng K phụ giúp cho T từ tháng 8/2021, được T trả công 300.000 đồng/ngày, đến ngày bị bắt thì K làm được 135 ngày và được T trả công 40.500.000 đồng. Lạc Chí H phụ giúp cho T từ tháng 9/2021, được T trả công 300.000 đồng/ngày, đến ngày bị bắt thì H làm được 210 ngày và được T trả công 63.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

1. Thu của Trương Ngọc T.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Ngọc T tại căn hộ LP2-22.02, chung cư R, số 50 đường B, Phường 2, Quận C đã thu giữ: 02 gói ny lông chứa tinh thể không màu, 03 viên nén màu xanh lá cây. Tại Bản kết luận giám định số 3454/KL-KTHS ngày 21/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Tinh thể không màu đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,7067g, loại Ketamine.

- 03 viên nén màu xanh lá cây có tổng khối lượng 2,0269g, đều không tìm thấy ma túy.

- Tiền Việt Nam: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) (Đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền số 9159320 ngày 29/5/2023).

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 357447885904021.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359320061762141.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359299068931117.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 356717113444854.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 350078315838278, số IMEI 2: 350078317838276.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 358850/02/068556/2.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/411935/3.
- 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Trần Văn D2.
- 01 (Một) bản photo Căn cước công dân mang tên Lê Thị Thanh T7.
- 01 (Một) bản photo Căn cước công dân mang tên Trần Thị U1.
- 14 (Mười bốn) tờ giấy thể hiện thông tin người vay tiền.
- 01 (Một) xe máy hiệu Honda SH màu trắng biển số: 59L1-333.33.
- 40 (Bốn mươi) card visit quảng cáo cho vay có tên A. Phục 0908276543
- C. Nghi 0907911918.

Thu giữ của Trương Ngọc T khi khám xét khẩn cấp chỗ ở tại căn hộ LP2-22.02, chung cư R, số 50 đường B, phường 2, Quận C:

- Tiền Việt Nam: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng) (Đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền số 7991142 ngày 24/6/2022).

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 355043874374326, số IMEI 2: 355043876374324.

- 02 (Hai) gói ni lông chứa tinh thể không màu và 03 (ba) viên nén màu xanh lá cây (đã được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Thiếu tá Lê Thị H15 và Điều tra viên Trần Ngọc Lê D).

Thu giữ của Trương Ngọc T khi khám xét khẩn cấp chỗ ở tại 221/4K, đường B, Phường 5, Quận C.

- 08 (Tám) tờ giấy tập ghi thông tin lai lịch của 08 (tám) cá nhân.
- 01 (Một) thiết bị điện tử có ghi chữ “J-Tech”.

2. Thu giữ của Trương Ngọc Tấn S:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Code: 059R488, IMEI: 357825/06/371604/6.

- 01 (Một) xe máy hiệu Lifan Cub 50, biển số: 62AM-01069.

3. Thu giữ của Nguyễn Văn L6:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Dream, biển số: 53P9 – 7842.

4. Thu giữ của Nguyễn Phạm Ngọc Đăng K:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Itel, số IMEI 1: 358625107240501, số IMEI 2: 358625107240519.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell, số IMEI: 810221600719522.
- 01 (Một) xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số: 67D1-528.03.

5. Thu giữ của Cao Đình S2:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Wave, biển số: 59D1-526.70.
- 01 (Một) điện thoại di động Iphone, số IMEI: 355399083222015.
- 01 điện thoại di động Realme (không kiểm tra được số IMEI).

6. Thu giữ của Trần Minh T2:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Wave màu xanh, biển số: 51S4-3802.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 356647088482151.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI: 354565/11/777612/4.

7. Thu giữ của Huỳnh Vĩnh T0:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Vario, biển số: 59C2-755.58.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 351732276985929.
- 01 điện thoại di động Nokia, số IMEI: 353678/07/914166/5.

8. Thu giữ của Nguyễn Văn S1:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Vision, biển số: 59H2-085.10.

9. Thu giữ của Huỳnh Phương T1:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359303061485434.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Coolpad, số IMEI 1: 863310040333311; IMEI 2: 863310040305442.

10. Thu giữ của Lê Hoàng U:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Vario, biển số: 59D3-146.32.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 352910113935021.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 356710081338919.

11. Thu giữ của Liêu Phước H1:

- 01 (Một) xe máy hiệu Wave, biển số: 60K1-8052.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359157070138537.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart, số IMEI 1: 351726114221364, số IMEI 2: 351726114221372,
- Tiền Việt Nam: 280.000 (Hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

12. Thu giữ của Lạc Chí H:

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave, biển số: 59M2-329.23.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 353818081930297.
- 01 (Một) Sổ hộ khẩu số 310470055868.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 505/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 357447885904021 (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 357447885904021, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT1/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359320061762141 (Không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT2/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359299068931117 (trầy tróc, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT3/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 356717113444854 (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 356717113444854, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT4/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 350078315838278, số IMEI 2: 350078317838276 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT5/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 358850/02/068556/2 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT6/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/411935/3 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT7/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 355043874374326, SỐ IMEI 2: 355043876374324 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT8/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Code: 059R488, IMEI: 357825/06/371604/6 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT9/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 353818081930297 (inodel A1661, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, Imei khay sim, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT24/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu ITEL, số IMEI 1: 358625107240501, số IMEI 2: 358625107240519 (bể lưng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT10/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell, số IMEI: 810221600719522 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT11/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 351732276985929 (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 351732276985929, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT16/500BB/2023.

- 01 điện thoại di động Nokia, số IMEI: 353678/07/914166/5 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT17/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Vario 125, biển số: 59C2-755.58, SK: MH1JFV115HK5915699, SM: JFV1E-1595603 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMAY7/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Lifan, số loại 50R, biển số: 62AM – 010.69, SK: RL8DCB6UME1012932, SM: RL8139FMBLISE012932 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMAY2/500BB/2023.

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave, biển số: 59M2-329.23, SK: RLHJA3912KY030569, SM: JA39E-0886417 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMAY11/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số: 67D1-528.03, SK: RLCUG0610GY256035, SM: G3D4E-268939 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMAY4/500BB/2023.

- Tiền Việt Nam: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 9159320 ngày 29/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Tiền Việt Nam: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 7991142 ngày 24/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

- 02 (Hai) gói ni lông chứa tinh thể không màu và 03 (ba) viên nén màu xanh lá cây (đã được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Thiếu tá Lê Thị H15 và Điều tra viên Trần Ngọc Lê D), mã số NPI/500BB/2023.

Lưu vào hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

- 01 (Một) bản photo Căn cước công dân mang tên Lê Thị Thanh T7, mã số PT1/500BB/2023.

- 01 (Một) bản photo Căn cước công dân mang tên Trần Thị U1, mã số PT2/500BB/2023.

- 14 (Mười bốn) tờ giấy thể hiện thông tin người vay tiền, mã số GIAY1/500BB/2023.

- 40 (Bốn mươi) card visit quảng cáo cho vay có tên A. Phục 0908276543 - C. Nghi 0907911918, mã số CARD/500BB/2023.

- 08 (Tám) tờ giấy tập ghi thông tin lai lịch của 08 (tám) cá nhân, mã số GIAY2/500BB/2023.

- 01 (Một) Sổ hộ khẩu số 310470055868, mã số SOHK/500BB/2023. Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm.

Tuyên trả lại cho Trương Ngọc T các vật chứng sau:

- 01 (Một) thiết bị điện tử có ghi chữ “J-Tech” (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số TB/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda SH màu trắng biển số: 59L1-333.33, SK: ZDCKFIOBOBF113508, SM: FK08E-1084488-KTGE1 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMAY1/500BB/2023.

- 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Trần Văn D2, mã số CCCD1/500BB/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2023 bị cáo Trương Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với nội dung xử lý vật chứng là số tiền 1.190.000.000 đồng thu giữ của bị cáo;

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và bổ sung thêm yêu cầu được trả lại 14.000.000 đồng mà bị cáo bị thu giữ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định các bị cáo Trương Ngọc T, Trương Ngọc Tấn S, Phạm Nguyễn Đăng Khoa, Huỳnh Vĩnh T0 và Lạc Chí H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Các bị cáo đã bị xét xử đúng tội danh và mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Sau khi xét xử xong, ngoài bị cáo Trương Ngọc T kháng cáo về phần xử lý tang vật, yêu cầu được trả lại số tiền 1.204.000.000 đồng bị thu giữ, còn toàn bộ nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo: số tiền 1.204.000.000 đồng thu giữ tại nhà của bị cáo được dùng làm phương tiện phạm tội hoặc thu lợi từ việc phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử tịch thu số tiền này là có căn cứ. Bị cáo có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc T còn trong hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, lời khai tại phiên tòa, lời khai người làm chứng và những chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

Vào khoảng cuối năm 2018, bị cáo Trương Ngọc T thuê căn nhà số 221/4K đường B, Phường 5, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để làm nơi giao dịch cho vay lãi nặng và thuê các bị cáo Trương Ngọc Tấn S, Huỳnh Vĩnh T0, Nguyễn Phạm Ngọc Đăng K và Lạc Chí H cùng nhiều người khác để giúp cho bị cáo T trong việc đi giao tiền vay và thu nợ. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, từ cuối năm 2018 cho đến ngày bị phát hiện thì bị cáo T cùng đồng phạm đã cho 39 người vay, với tổng số tiền vay gốc là 147.500.000 đồng, lãi suất từ 365% đến 547,5%/năm và đã thu được 203.699.862 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi trong mức 20%/năm là 8.572.821 đồng, tiền lãi vượt mức 20%/năm là 195.127.041 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Trương Ngọc T, Trương Ngọc Tấn S, Huỳnh Vĩnh T0, Nguyễn Phạm Ngọc Đăng K và Lạc Chí H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” là có cơ sở và đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngoài bị cáo T kháng cáo yêu cầu được trả lại số tiền 1.190.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung yêu cầu trả thêm số tiền tang vật đã thu giữ 14.000.000 đồng, tổng cộng là 1.204.000.000 đồng thì các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không ai kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Khi khám xét khẩn cấp chỗ ở tại căn hộ LP2-22.02, chung cư R, số 50 đường B, phường 2, Quận C, cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà bị cáo nhiều tang vật, trong đó có:

- Tiền Việt Nam: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 9159320 ngày 29/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Tiền Việt Nam: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 7991142 ngày 24/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Trương Ngọc T cho 39 người vay với số tiền vay gốc là 147.500.000 đồng và đến ngày bị bắt thì bị cáo T đã thu được 83.500.000 đồng, còn lại 64.000.000 đồng thì những người vay chưa trả. Toàn bộ số tiền này là phương tiện mà bị cáo T dùng vào việc phạm tội. Đối với số tiền mà bị cáo T có được từ hành vi cho vay lãi nặng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 8.572.821 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên buộc bị cáo T phải nộp 83.500.000 đồng (tiền vay gốc) và 8.572.821 đồng (tiền lãi); đồng thời buộc 21 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền vay gốc của từng người còn lại (tổng 64.000.000 đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Trương Ngọc T còn thu tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 195.127.041 đồng. Số tiền này là khoản tiền mà bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật của người vay nên căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho các chủ sở hữu là có căn cứ. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Trương Ngọc T đã nộp số tiền 195.200.000 theo Giấy nộp tiền số 9159355 ngày 29/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường thiệt hại cho 39 người mà bị cáo T đã chiếm đoạt trái pháp luật.

Như vậy, toàn bộ số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T bao gồm 147.500.000 đồng tiền gốc, 8.572.821 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm và 195.127.041 đồng tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm đã được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo khắc phục đầy đủ theo đúng quy định; không có căn cứ xác định số tiền 1.204.000.000 đồng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo là tiền bị cáo dùng để cho vay hoặc tiền mà bị cáo T có thêm được từ việc thu, sử dụng tiền lãi nên đây không phải là công cụ, phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà bị cáo đã bị xét xử.

Mặt khác, căn cứ Điều 5 của Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm như sau:

“ 1. Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với:

a) Khoản tiền, tài sản khác người phạm tội dùng để cho vay;

b) Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay.

c) Tiền, tài sản khác mà người phạm tội có thêm được từ việc sử dụng tiền lãi và các khoản thu bất hợp pháp khác....”

Từ những nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm xác định toàn bộ số tiền 1.204.000.000 đồng là công cụ, phương tiện để bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và tuyên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T trình bày gia đình bị cáo có nghề kinh doanh mua bán xe và cung cấp các Hợp đồng mua bán, Hợp đồng ủy quyền về việc cầm cố xe mô tô, xe máy biển số đẹp có chứng thực của Văn phòng công chứng X; từ quá trình điều tra đến nay bị cáo đều khai số tiền 1.204.000.000 đồng đã thu tại nhà bị cáo là tiền bị cáo dùng để kinh doanh mua bán xe mà có nhưng không được xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc T, trả lại cho bị cáo số tiền đã bị thu giữ theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trương Ngọc T không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Ngọc T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 505/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần xử lý vật chứng.

Tuyên xử:

1. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 357447885904021 (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 357447885904021, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT1/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359320061762141 (Không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT2/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359299068931117 (trầy tróc, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT3/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 356717113444854 (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 356717113444854, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT4/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 350078315838278, số IMEI 2: 350078317838276 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT5/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 358850/02/068556/2 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT6/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/411935/3 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT7/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 355043874374326, SỔ IMEI 2: 355043876374324 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT8/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Code: 059R488, IMEI: 357825/06/371604/6 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT9/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 353818081930297 (inodel A1661, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, Imei khay sim, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT24/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu ITEL, số IMEI 1: 358625107240501, số IMEI 2: 358625107240519 (bể lưng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT10/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell, số IMEI: 810221600719522 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT11/500BB/2023.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 351732276985929 (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 351732276985929, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT16/500BB/2023.

- 01 điện thoại di động Nokia, số IMEI: 353678/07/914166/5 (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT17/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Vario 125, biển số: 59C2-755.58, SK: MH1JFV115HK5915699, SM: JFV1E-1595603 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMAY7/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Lifan, số loại 50R, biển số: 62AM – 010.69, SK: RL8DCB6UME1012932, SM: RL8139FMBLISE012932 (không gương, dàn

nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số X MAY2/500BB/2023.

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave, biển số: 59M2-329.23, SK: RLHJA3912KY030569, SM: JA39E-0886417 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số X MAY11/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số: 67D1-528.03, SK: RLCUG0610GY256035, SM: G3D4E-268939 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số X MAY4/500BB/2023.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

- 02 (Hai) gói ni lông chứa tinh thể không màu và 03 (ba) viên nén màu xanh lá cây (đã được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Thiếu tá Lê Thị H15 và Điều tra viên Trần Ngọc Lê D), mã số NPI/500BB/2023.

Lưu vào hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

- 01 (Một) bản photo Căn cước công dân mang tên Lê Thị Thanh T7, mã số PT1/500BB/2023.

- 01 (Một) bản photo Căn cước công dân mang tên Trần Thị U1, mã số PT2/500BB/2023.

- 14 (Mười bốn) tờ giấy thể hiện thông tin người vay tiền, mã số GIAY1/500BB/2023.

- 40 (Bốn mươi) card visit quảng cáo cho vay có tên A. Phục 0908276543 - C. Nghi 0907911918, mã số CARD/500BB/2023.

- 08 (Tám) tờ giấy tập ghi thông tin lai lịch của 08 (tám) cá nhân, mã số GIAY2/500BB/2023.

- 01 (Một) Sổ hộ khẩu số 310470055868, mã số SOHK/500BB/2023. Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm.

Tuyên trả lại cho Trương Ngọc T các vật chứng sau:

- Tiền Việt Nam: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 7991142 ngày 24/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Tiền Việt Nam: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 9159320 ngày 29/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- 01 (Một) thiết bị điện tử có ghi chữ “J-Tech” (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số TB/500BB/2023.

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda SH màu trắng biển số: 59L1-333.33, SK: ZDCKFIOBOBF113508, SM: FK08E-1084488-KTGE1 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số XMay1/500BB/2023.

- 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Trần Văn D2, mã số CCCD1/500BB/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Ngọc T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Lê Văn An

Nguyễn Thị Cúc